**Tổng hợp TEST: Chủ đề: - 4/ Đau liên quan đến phẫu thuật**

**- 5/ Ngoại khoa và bệnh mạn tính**

**- 6/ Rối loạn đông - cầm máu và truyền máu**

**Câu 1:** .Ảnh hưởng của đau trên hệ nội tiết và biến dưỡng?

A. Tăng tình trạng biến dưỡng B. Tăng nhu cầu dưỡng khí

C. Ứ đọng muối và nước trong cơ thể D. Cơ thể tiêu thụ nhiều đạm

E. Tất cả đều đúng

**Câu 2:** .Ảnh hưởng của đau lên hệ tim mạch?

A. HA và nhịp tim tăng B. Do ảnh hưởng các chất môi giới TK

C. Liên quan đến hệ TK giao cảm D.Tất cả đều sai

E. Tất cả đều đúng

**Câu 3:** .Ảnh hưởng của đau lên hệ hô hấp?

A. Gây rối loạn hô hấp B. Thiếu chất bảo quản Surfactant

C. Xẹp phổi D. Suy hô hấp

E. Viêm phổi

**Câu 4:** .Họ Opiates có tác dụng phụ là?

A. Ức chế hô hấp B. Bí tiểu

C. Giảm nhu động ruột D. Buồn nôn và nôn

E. Tất cả đều đúng

**Câu 5:** . NSAIDs thường dùng gồm các thuốc sau đây, ngoại trừ:

A. Salicylic (Aspirin) B. Proprionic Acetate

C. Paracetamol D. Naproxen

E. Indomethacin

**Câu 6:** .Nguyên tắc điều trị đau do Ung thư, chọn 1 câu đúng?

A. Aspirin trước B. Tramadol sau

C. Morphine sau cùng D. A, B rồi C

E. B, A rồi C

**Câu 7:** .Nguyên tắc điều trị đau do ung thư. Chọn 1 câu đúng?

A. Aspirin kèm Panadol trước B. Tramadol kèm Codein sau

C. Morphine kèm Durogesic sau cùng D. Tất cả đều sai

E. Tất cả đều đúng

**Câu 8:** .Nguyên tắc điều trị đau do ung thư. Chọn 1 câu đúng?

A. Aspirin trước B. Tramadol sau

C. Morphine sau cùng D. A, B rồi C

E. B, A rồi C

**Câu 9:** .Nguyên tắc điều trị đau do ung thư, chọn 1 câu đúng nhất:

A. Aspirin trước B. Tramadol sau

C. Fetanyl dán hoặc tiêm chích sau cùng D. Fetanyl uống sau cùng

E. Tất cả đều đúng, ngoại trừ D.

**Câu 10** .Nguyên tắc điều trị đau cấp tính sau mổ, chọn 1 câu đúng?

A. Dolargan trước B. Tramadol sau

C. NSAIDs sau cùng D. A,B rồi C

E. Tất cả đều sai

**Câu 11:** .Thành công trong điều trị phẫu thuật gồm:

A. Đánh giá đầy đủ toàn trạng BN B. Điều trị ổn định các bệnh mạn tính kèm theo

C. Chọn PP phẫu thuật thích hợp D. Tất cả đều đúng

**Câu 12:** .Một số bệnh mạn tính có thể ảnh hưởng đến quá trình lành VT, ngoại trừ:

A. Tiểu đường B. Xơ gan

C. Lao D. Thiếu vitamin A

E. Thiếu vitamin C

**Câu 13:** .Bệnh AIDS ảnh hưởng đến ngoại khoa, vì?

A. Dễ có biến chứng nhiễm trùng B. Có khả năng lây lan cho nhiều người qua máu

C. NVYT là đối tượng dễ bị lây nhiễm nếu không tuân thủ những nguyên tắc phòng ngừa

D. Vết thương chậm liền E. Tất cả đều đúng

**Câu 14:** . Một số bệnh nội tiết chưa được điều trị ổn định có ảnh hưởng đến ngoại khoa, ngoại trừ:

A. Tiểu đường B. Suy tuyến thượng thận

C. Cường giáp D. Nhược giáp

E. Bệnh cushing

**Câu 15:** .Bệnh tim mạch nào sau đây có nguy cơ gây tử vong khi phẫu thuật:

A. Ngoại tâm thu nhĩ B. Rồi loạn thần kinh tim

C. Nhồi máu cơ tim cách đây 1 tháng D. Suy tim chưa ổn định

**Câu 16:** .Các bệnh về máu nào sau đây cần lưu ý khi phẫu thuật, ngoại trừ:

A. Thiếu máu B. Bệnh ưa chảy máu

C. Bệnh đa hồng cầu D. Bệnh tán huyết

E. Rối loạn đông máu

**Câu 17:** .Bệnh về hô hấp có ảnh hưởng khi gây mê và hậu phẫu là:

A. Viêm mũi B. Viêm phế quản

C. Bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính D. Viêm họng

**Câu 18:** . Tiêu chuẩn chính cho phép phẫu thuật trên BN có bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính?

A. FEV1 > 50% B. FEV1 >75%

C. BN hết ho D. Không khó thở

E. Hết đau ngực

**Câu 19:** Suy thận là bệnh cần lưu ý khi phẫu thuật vì, ngoại trừ?

A. Hầu hết các thuốc được sử dụng đều đào thải qua thận

B. Là nguyên nhân tử vong của hầu hết các loại nhiễm trùng nặng

C. Ảnh hưởng quan trọng đến cơ chế điều chỉnh cân bằng nội môi

D. Gây thiếu máu mạn tính  
E. Không ảnh hưởng gì nếu phẫu thuật nhẹ nhàng như sinh thiết hạch, cắt bao quy đầu

**Câu 20:** .Bệnh gan nào sau đây KHÔNG ảnh hưởng đến phẫu thuật?

A. Áp xe gan B. Viêm gan mạn

C. Xơ gan D. Suy tế bào gan

E. Viêm gan cấp

**Câu 21:** .BN mới bị Tai biến mạch máu não, chỉ nên phẫu thuật bệnh khác sau:

A. 2 tuần B. 8 tuần

C. 4 tuần D. 3 tháng

E. 6 tháng

**Câu 22:** .Chọn câu ĐÚNG về hội chứng Guillane-Barre:

A. Bệnh mạn tính về hệ tiêu hóa B. Bệnh mạn tính về hệ tiết niệu

C. Bệnh mạn tính về hệ hô hấp D. Bệnh mạn tính về hệ nội tiết

E. Bệnh mạn tính về hệ thần kinh

**Câu 23:** .BN nam 56t, BMI = 34, được lên chương trình phẫu thuật nội soi cắt túi mật do sỏi. CLS có Glucose 6,0 mmol/L, Ure máu = 4,4 mmol/L, Creatinin = 68 umol/L. Chọn câu đúng về đánh giá nguy cơ khi phẫu thuật: (?)

A. Tình trạng béo phì, tiểu đường tăng nguy cơ thở máy kéo dài

B. Tình trạng suy dinh dưỡng, suy thận mạn tăng nguy cơ chậm lành vết thương

C. Tình trạng béo phì, tăng nguy cơ nhiễm trùng vết mổ

D. Tình trạng tiểu đường, suy thận mạn tăng nguy cơ nhiễm trùng vết mổ

**Câu 24:** .Để đánh giá nguy cơ tăng đông của người bệnh, cần làm thêm xét nghiệm gì?

A. INR B. Protein S và C

C. Prothrombin time D. Đếm tiểu cầu

**Câu 25:** .Để phòng tránh biến chứng hô hấp sau phẫu thuật, cần ngưng hút thuốc lá trước mổ?

A. 2 tuần B. 8 tuần

C. 4 tuần D. 12 tuần

E. 6 tuần

**Câu 26:** .Ngưng đột ngột Glucocorticoids ở BN có sử dụng lâu dài trước đó sẽ có nguy cơ:

A. Hôn mê toan chuyển hóa B. Hôn mê tăng áp lực thẩm thấu

C. Tăng huyết áp D. Tụt huyết áp

**Câu 27:** .Đặc điểm của tiểu cầu:

A. Hoạt hóa bởi sự đụng chạm B. Lưu trữ lâu ngày

C. Không quan trọng trong cầm máu D. Bình thường <100.000/mm3

E. Phóng thích epinephrine, serotonin, calcium, yếu tố tiểu cầu IV

**Câu 28:** .Thành mạch bị tổn thương:

A. Ngăn cản tiểu cầu kết dính B. Giải phóng yếu tố XII

C. Tạo cục máu trắng Hayem D. Giải phóng yếu tố tiền đông máu mô

E. Tạo điều kiện cho tiểu cầu bám dính vào vết thương, nên có tác dụng cầm máu đáng kể

**Câu 29:** .Cục máu đông vững bền nhờ?

A. Yếu tố XIII B. Yếu tố X

C. Yếu tố XII D. Yếu tố IX

E. Yếu tố XI

**Câu 30:** . Các yếu tố đông máu phụ thuộc vitamin K:

A. II, V, VII, VIII, X B. II, VII, X, XI

C. II, V, XII, IX, X D. II, V

E. II, VII, IX, X

**Câu 31:** .Bất thường yếu tố VIII có đặc điểm? (Chọn 2 đáp án)

A. Điều trị với máu toàn thể B. TCK và thời gian chảy máu kéo dài

C. Điều trị với tiểu cầu đậm đặc D. Điều trị với kết tủa lạnh

E. Điều trị với thuốc cầm máu F. Gây bệnh ưa chảy máu A

**Câu 32:** .Bệnh von Willebrand:

A. TCK bất thường, tiểu cầu giảm B. TCK kéo dài, tiểu cầu giảm

C. TCK kéo dài, thời gian máu đông dài D. TCK kéo dài, thời gian chảy máu bình thường

E. TCK kéo dài, thời gian máu chảy kéo dài

**Câu 33:** .Xơ gan nặng:

A. Giảm yếu tố V B. TQ kéo dài, TCK kéo dài

C. Giảm chức năng tiểu cầu D. Giảm yếu tố II, V, VIII, IX, X

E. Giảm tất cả yếu tố đông máu

**Câu 34:** .Tiêu sợi huyết thứ phát sau đông máu rải rác trong lòng mạch:

A. Hay xảy ra sau mổ phổi, tuyến tiền liệt B. Fibrinogen giảm và nghiệm pháp Ethanol (-)

C. Fibrinogen bình thường D. Fibrinogen giảm và nghiệm pháp Ethanol (+)

E. Tiêu sợi huyết tự ngưng

**Câu 35:** .Các nguyên nhân sau đây gây nên tình trạng tăng tạo huyết khối, NGOẠI TRỪ:

A. Thiếu yếu tố AT III B. Thiếu protein S

C. Thiếu yếu tố IX D. Thiếu protein C

E. Tăng số lượng tiểu cầu

**Câu 36:** .Kết quả XN đông máu nào sau đây phù hợp với BN bị Hemophilia A?

A. TQ: 11 giây, TCK: 36 giây B. TQ: 11 giây, TCK: 110 giây

C. TQ: 34 giây, TCK: 32 giây D. TQ: 10 giây, TCK: 25 giây

E. TQ: 32 giây, TCK: 100 giây

**Câu 37:** . Kết quả XN đông máu nào sau đây phù hợp với BN bị Hemophilia B?

A. TQ: 11 giây, TCK: 36 giây B. TQ: 11 giây, TCK: 110 giây

C. TQ: 34 giây, TCK: 32 giây D. TQ: 10 giây, TCK: 25 giây

E. TQ: 32 giây, TCK: 100 giây

**Câu 38:** . Kết quả XN đông máu nào sau đây phù hợp với BN bị xơ gan?

A. TQ: 11 giây, TCK: 36 giây B. TQ: 11 giây, TCK: 110 giây

C. TQ: 34 giây, TCK: 32 giây D. TQ: 10 giây, TCK: 25 giây

E. TQ: 32 giây, TCK: 100 giây

**Câu 39:** . Kết quả XN đông máu nào sau đây phù hợp với BN bị Tắc mật kéo dài?

A. TQ: 11 giây, TCK: 36 giây B. TQ: 11 giây, TCK: 110 giây

C. TQ: 34 giây, TCK: 32 giây D. TQ: 10 giây, TCK: 25 giây

E. TQ: 32 giây, TCK: 100 giây

**Câu 40:** . Kết quả XN đông máu nào sau đây phù hợp với BN bị Thiếu yếu tố VII bẩm sinh?

A. TQ: 11 giây, TCK: 36 giây B. TQ: 11 giây, TCK: 110 giây

C. TQ: 34 giây, TCK: 32 giây D. TQ: 10 giây, TCK: 25 giây

E. TQ: 32 giây, TCK: 100 giây

**Câu 41:** . Kết quả XN đông máu nào sau đây phù hợp với BN bị Thiếu yếu tố XIII bẩm sinh?

A. TQ: 11 giây, TCK: 36 giây B. TQ: 11 giây, TCK: 110 giây

C. TQ: 34 giây, TCK: 32 giây D. TQ: 10 giây, TCK: 25 giây

E. TQ: 32 giây, TCK: 100 giây

**Câu 42:** .Tại sao BN bị chảy máu ổ bụng (Vd: Vỡ lách), ta có thể chọc dò ổ bụng ra máu không đông?

A. Vì màu đó không nằm trong lòng mạch, thiếu yếu tố nội mô nên không đông

B. Vì số lượng máu quá nhiều, tốc độ chảy quá nhanh nên không đông

C. Vì máu đó đã trải qua giai đoạn đông máu/tiêu sợi huyết nên không đông

D. Vì máu đó để ở ngoài nhiệt độ phòng thấp hơn nhiệt độ cơ thể nên không đông

E. Vì máu đó hòa lẫn dịch tiêu hóa hoặc nước tiểu nên không đông

**Câu 43:** .Theo phân độ ASA của Hiệp hội gây mê Hoa Kỳ (1963), ASA độ 5 là:

A. BN có bệnh toàn thân nặng, nằm liệt giường B. BN đang sốc nặng không hồi phục

C. BN cần sự giúp đỡ về y tế 24/24 D. BN có nguy cơ tử vong trong vòng 24h

E. BN có tình trạng rất nặng cần phẫu thuật cấp cứu

**Câu 44:** Theo phân độ ASA của Hiệp hội gây mê Hoa Kỳ (1963), ASA độ 4 là:

A. BN có bệnh toàn thân nặng, nằm liệt giường B. BN đang sốc nặng không hồi phục

C. BN cần sự giúp đỡ về y tế 24/24 D. BN có nguy cơ tử vong trong vòng 24h

E. BN có tình trạng rất nặng cần phẫu thuật cấp cứu

**Câu 45:** .BN phẫu thuật có bệnh nội khoa mãn tính kèm theo có thể gặp những nguy cơ sau, NGOẠI TRỪ:

A. Sang chấn ngoại khoa B. Biến chứng ngoại khoa cao hơn

C. Đợt cấp tính trên nền bệnh nội khoa mãn tính D. Liệt bàng quang

E. Chậm lành hay không lành VT, đường khâu

**Câu 46:** Phẫu thuật trên BN AIDS có những nguy cơ nào sau đây, NGOẠI TRỪ:

A. Có khả năng lây nhiễm chéo B. Chậm lành vết mổ

C. Dễ chảy máu D. Dễ nhiễm trùng sau mổ

E. Khó lành chỗ khâu nối

**Câu 47:** .Trong quá trình đông máu, Thrombine có vai trò:

A. Biến Fibrinogen thành Fibrin B. Hoạt hóa đông máu nội sinh

C. Hoạt hóa đông máu ngoại sinh D. Tăng huy động tiểu cầu tham gia đông máu

E. Biến Plasminogen thành Plasmin

**Câu 48:** .Trong những bất thường liên quan đến RL đông cầm máu, bất thường nào sau đây không thể phát hiện bằng những XN đông máu cơ bản:

A. BN bị Hemophilia B. BN đang dùng thuốc kháng vitamin K

C. BN bị Xuất huyết giảm tiểu cầu D. BN đang bị suy gan hoặc xơ gan

E. BN đang dùng thuốc kháng kết tập tiểu cầu

**Câu 49:** .Ngoại khoa khác với Nội khoa ở đặc điểm?

A. BN được điều trị ngoại trú

B. Chỉ dùng các dụng cụ, phương tiện phẫu thuật, không cần thuốc men

C. Điều trị các bệnh liên quan đến bộ phận bên ngoài cơ thể

D. Thầy thuốc phải bộc lộ các thương tổn ra ngoài để xử lý

E. Tất cả bệnh điều trị ngoại khoa thì không cần dùng nội khoa hỗ trợ

**Câu 50:** .Phẫu thuật trên BN bị Đa hồng cầu có nguy cơ gì sau mổ?

A. Tắc mạch B. Thiếu oxy mô

C. Thiếu máu D. Suy tủy

E. Nhiễm trùng

**Câu 51:** .Giới hạn an toàn của chỉ số Hemoglobin (Hb) trong máu để đảm bảo hồng cầu cung cấp đủ oxy cho mô là?

A. Hb > 9 g/dL B. Hb > 10.5g/dL

C. Hb > 9.5g/dL D. Hb > 11g/dL

E. Hb > 10g/dL

**Câu 52:** Phẫu thuật trên BN AIDS có những nguy cơ nào sau đây, NGOẠI TRỪ:

A. Dễ nhiễm trùng sau mổ B. Chậm lành vết mổ

C. Dễ bị suy hô hấp D. Có khả năng lây nhiễm chéo

E. Khó lành chỗ khâu nối

**Câu 53:** .Về mặt ý nghĩa, INR tương đương với:

A. TS B. APTT

C. TC D. PLT

E. PT

**Câu 54:** .Một BN bị thiếu yếu tố XIII bẩm sinh sẽ có kết quả XN như thế nào?

A. TQ tăng, TCK bình thường, TT bình thường B. TQ bình thường, TCK tăng, TT tăng

C. TQ tăng, TCK tăng, TT bình thường D. TQ bình thường, TCK bình thường, TT tăng

E. TQ bình thường, TCK bình thường, TT bình thường

**Câu 55** Một BN bị bệnh von Willebrand sẽ có kết quả XN như thế nào?

A. TQ tăng, TCK bình thường, chức năng tiểu cầu rối loạn

B. TQ bình thường, TCK tăng, chức năng tiểu cầu rối loạn

C. TQ tăng, TCK tăng, chức năng tiểu cầu rối loạn

D. TQ bình thường, TCK bình thường, chức năng tiểu cầu rối loạn

E. TQ bình thường, TCK bình thường, chức năng tiểu cầu rối loạn

**Câu 56:** . Trên lâm sàng, D-dimer thường được dùng để?

A. Phát hiện RL đông máu nội sinh B. Đánh giá và tiên lượng hồi sức tim phổi

C. Phát hiện RL đông máu ngoại sinh D. Phát hiện thuyên tắc mạch do huyết khối

E. Phát hiện và tiên lượng phù phổi cấp

**Câu 57:** .Nghiệm pháp von Kaulla (+) chứng tỏ điều gì?

A. Giảm Plasminogen B. Giảm plasmin

C. Tăng Plasminogen D. Tất cả đều sai.

E. Tăng Plasmin

**Câu 58:** .Các yếu tố đông máu do gan tổng hợp, yếu tố nào không phụ thuộc vitamin K:

A. II B. IX

C. V D. X

E. VII

**Câu 59:**. Ở BN không có tiền sử rối loạn đông máu, cần làm những xét nghiệm gì để tầm soát trước mổ, ngoại trừ:

A. Thời gian máu chảy B. Định lượng Fibrinogen

C. Thời gian Quick (TQ hay PT) D. Thời gian Cephalin-Kaolin (TCK hay aPTT)

E. Số lượng tiểu cầu

f

**Câu 60:** Bệnh tim mạch nào sau đây có nguy cơ gây tử vong khi phẫu thuật: (*Xem lại thêm câu hỏi 15*)

A. Ngoại tâm thu nhĩ B. Rồi loạn thần kinh tim

C. Nhồi máu cơ tim cách đây 12 tháng D. Suy tim chưa ổn định

E. Thiếu máu cơ tim

**Câu 61:** Bệnh AIDS ảnh hưởng đến ngoại khoa, ngoại trừ?

A. Siêu vi tấn công vào tế bào lympho T4 giữ vai trò quan trọng điều hòa đáp ứng miễn dịch

B. Có khả năng lây lan cho nhiều người qua máu

C. NVYT là đối tượng dễ bị lây nhiễm nếu không tuân thủ những nguyên tắc phòng ngừa

D. BN có sức đề kháng giảm nên vết thương chậm liền

E. Bệnh có thời gian tiềm ẩn nhanh

**Câu 62:** BN nữ, 78 tuổi, nhập viện vì đau bụng. Người nhà BN khai BN đau bụng cách nhập viện 2 giờ, kèm tiêu chảy, phân có lẫn máu bầm. Tiền căn: Suy tim, rung nhĩ đang điều trị. Khám thấy: Vẻ mặt lừ đừ, mạch không đều 120l/p, sốt 38,5 độ, bụng chướng, ấn đau nửa bụng phải. Chẩn đoán nào phải nghĩ đến đầu tiên?

A. Thủng loét DDTT B. Viêm tụy cấp

C. Thoát vị bịt D. Tắc mạch mạc treo

E. Xoắn đại tràng chậu hông

**Câu 63:** BN nữ, 25 tuổi, nhập viện vì đau bụng dữ dội cách đây 3 giờ. Tiền căn: Cường giáp đang điều trị. BN được chẩn đoán là thủng dạ dày và được chỉ định mổ cấp cứu. Sau mỏ, BN sốt cao liên tục, mạch rất nhanh, huyết áp dao động. BN tăng động và dẫn đến hôn mê. Khả năng nào có thể xảy ra ở BN này?

A. Sốc nhiễm trùng sau thủng DD B. Hôn mê do hạ đường huyết

C. Chảy máu cấp sau mổ D. Hôn mê do động kinh

E. Biến chứng bão giáp

**Câu 64:** BN nữ, 30 tuổi, nhập viện vì đau bụng HSP. Khám thấy có nhiều vết bầm máu trên tứ chi, hỏi bệnh sử ghi nhận BN rất dễ bị các vết bầm này, thường xuất hiện sau khi va chạm hoặc đôi lúc không rõ lý do. Chẩn đoán nào sau đây không phù hợp?

A. Hemophilia A B. Thalassemie

C. Hemophilia B D. Xuất huyết giảm tiểu cầu

E. Suy tủy

**Đáp án:**

**1.E 2.E 3.B 4.E 5.B 6.D 7.D**

**8. D 9. E 10.E 11.D 12.C 13.E 14.D**

**15.C 16.D 17.C 18.A 19.E 20.A 21. B**

**22.E 23.C 24.(???) 25.B 26. D 27. E 28. D**

**29. A 30.E 31.(D+F) 32.E 33.B 34.D 35.C**

**36.B 37.B 38.E 39.E 40.C 41.A 42.C**

**43.D 44.A 45.D 46.C 47.A 48.E 49.D**

**50. A 51. E 52.C 53.E 54.E 55.B 56.D**

**57.E 58.C 59.B 60.D 61.E 62.D 63.E**

**64. B 65. 66. 67. 68. 69. 70.**